

Số: 50/2021/QĐST-HNGĐ

Thành phố Lai Châu, ngày 25 tháng 5 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 68/2021/TLST/HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: **Chị Trần Thị T**, sinh năm 1988;

Địa chỉ: **Tổ 13 (nay là tổ 14), phường T, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.**

Chỗ ở hiện nay: Số nhà 02, ngõ 120, đường T, **tổ 14, phường T, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.**

Bị đơn: **Anh Đỗ Văn H**, sinh năm 1991;

Địa chỉ: **Tổ 13 (nay là tổ 14), phường T, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.**

Chỗ ở hiện nay: Số nhà 02, ngõ 120, đường T, **tổ 14, phường T, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.**

**Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;**

Căn cứ vào các Điều 54, 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày **17 tháng 5 năm 2021.**

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày **17 tháng 5 năm 2021** là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:**

**Chị Trần Thị T và anh Đỗ Văn H.**

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Về quan hệ hôn nhân: **Chị Trần Thị T và anh Đỗ Văn H** đều thuận tình ly hôn.

- **Về nuôi con chung:** Chị Trần Thị T và anh Đỗ Văn H có 02 con chung tên là cháu Đỗ Duy K, sinh ngày 13/10/2013 và cháu Đỗ Việt A, sinh ngày 14/12/2019 chị Trần Thị T và anh Đỗ Văn H thỏa thuận:

Chị Trần Thị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Đỗ Việt A cho đến khi cháu Việt A thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Đỗ Văn H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Đỗ Duy K cho đến khi cháu Duy K thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung anh H và chị T không yêu cầu bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Trần Thị T và anh Đỗ Văn H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở chị T, anh H thực hiện quyền này.

- **Về chia tài sản:** Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung chị Trần Thị T và anh Đỗ Văn H tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Chị Trần Thị T và anh Đỗ Văn H mỗi người phải chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, anh H nhất trí để chị T nộp thay số tiền án phí mà anh H phải nộp là 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng). Tổng cộng chị T phải nộp là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Xác nhận chị Trần Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho chị Trần Thị T số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0000703 ngày 06/4/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- UBND xã Mường Than, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu;
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND TP Lai Châu;
- Chi cục THA dân sự TP Lai Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Phạm Thị Nga**